



TRANG CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

www.trangcorporation.vn



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4. Định hướng phát triển	5
5. Rủi ro tiềm tàng	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
a. Kết quả kinh doanh so với năm 2019.....	6
b. Kết quả kinh doanh so với kế hoạch đề ra	6
2. Tổ chức và nhân Sự	7
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	8
a. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2020	8
b. Hoạt động các công ty con và công ty liên kết.....	8
4. Tình hình tài chính	8
a. Tình hình tài chính	8
b. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	8
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	9
a. Thông tin cổ phần.....	9
b. Cơ cấu cổ đông (tại 17/12/2020).....	9
c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	10
d. Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	10
e. Các chứng khoán khác	10
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	10
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	11
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	13
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	14
1. Hội đồng quản trị.....	14
2. Ban Kiểm soát	17
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.....	18
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	20



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Trang

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303366525

Vốn điều lệ/Charter capital: 168.299.940.000 đồng

Địa chỉ: Lô A14b KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. HCM

Số điện thoại: (08) 37.800.900

Số fax: (08) 37.800.735

Website: www.trangcorporation.vn

Mã cổ phiếu: TFC

Thông tin thành lập

Công ty Cổ phần Trang (Trang Corp) là thành viên của Trang Group - một Tập đoàn đa quốc gia với tiêu chí cung cấp thực phẩm chế biến chất lượng cao cho thị trường thế giới.

Trang Corp được thành lập vào tháng 07/2004 bởi Ông Hồ Văn Trung (hay còn gọi là Trang Hồ) cùng với những cổ đông sáng lập là người thân và bạn bè của Ông, đã xây dựng nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh để sản xuất những sản phẩm là thực phẩm đông lạnh từ thủy sản phục vụ thị trường xuất khẩu tại Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Úc.

Là người sáng lập Trang Corp, với tiêu chí cung cấp những thực phẩm đông lạnh chất lượng cao cho thị trường thế giới, Ông Hồ Văn Trung là người tiên phong và đã gặt hái thành công trong sự nghiệp của mình. Xuất phát từ kinh nghiệm của một người quản lý nhà hàng ở Úc, Trang Hồ đã nhìn thấy thị trường rộng lớn cho các sản phẩm đông lạnh không chỉ ở Úc mà ở các nước phát triển khác ở Châu Âu và Mỹ. Trước khi xây dựng Trang Corp tại Việt Nam, Ông Hồ Văn Trung đã từng là Tổng Giám Đốc của Trang's Food Pty Ltd. tại Úc từ năm 1985. Do có kiến thức trong lĩnh vực cơ khí và kinh nghiệm điều hành Công ty sản xuất thực phẩm tại Úc, Ông Hồ Văn Trung đã đóng góp rất lớn trong quá trình xây dựng nhà máy Trang Corp. Khởi đầu với những khách hàng là các cửa hàng và các nhà hàng nhỏ trên phố, Trang Corp đã dần xây dựng được tên tuổi của mình, trở thành một nhà cung cấp uy tín cho hệ thống các siêu thị lớn ở Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ cũng như những nhà thực phẩm hàng đầu thế giới.

Quá trình phát triển

Kể từ khi thành lập năm 2004, với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Trang đã không ngừng phát triển về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tăng vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển. Qua 5 lần tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cổ đông bên ngoài, vốn điều lệ Công ty hiện nay đạt 168,3 tỷ đồng tăng 741,5% so với khi thành lập.

Ngày 13/11/2015, Công ty Cổ phần Trang đánh dấu bước phát triển mới khi được chấp thuận niêm yết trên sàn HNX với mã chứng khoán là TFC, chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 03/12/2015: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Trang chính thức giao dịch trên sàn HNX với giá khởi điểm là 35.000 đồng/ cổ phiếu. Việc chính thức trở thành Công ty đại chúng là một bước ngoặt to lớn trong quá trình phát triển của Trang Corp, mở ra cơ hội quản bá doanh nghiệp đến khách hàng, đối tác và nhà đầu tư, tạo tiền đề cho việc gia tăng lợi thế cạnh tranh cũng như tiếp cận nguồn vốn không giới hạn cho việc đầu tư phát triển.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sản phẩm chính của công ty



TEMPURA PRAWN



FILO PRAWN



POTATO SHRIMP



SHRIMP AND VEGETABLE SPRING ROLL



BATTER FISH



PRAWN AND VEGETABLE GYOZA

Địa bàn kinh doanh: Công ty hiện đang kinh doanh rộng khắp các thị trường như Châu Âu, Mỹ, Úc và một số thị trường Châu Á khác như Nhật Bản, Singapore, Malaysia,...

Trong đó, thị trường chiếm doanh số xuất khẩu cao nhất là Châu Âu, Mỹ và Úc với tỷ lệ doanh số xuất khẩu trong năm 2020 như sau:

- Thị trường Châu Âu : 74,8%
- Thị trường Mỹ : 16.6%
- Thị trường Úc : 4,9%

Khách hàng chính:

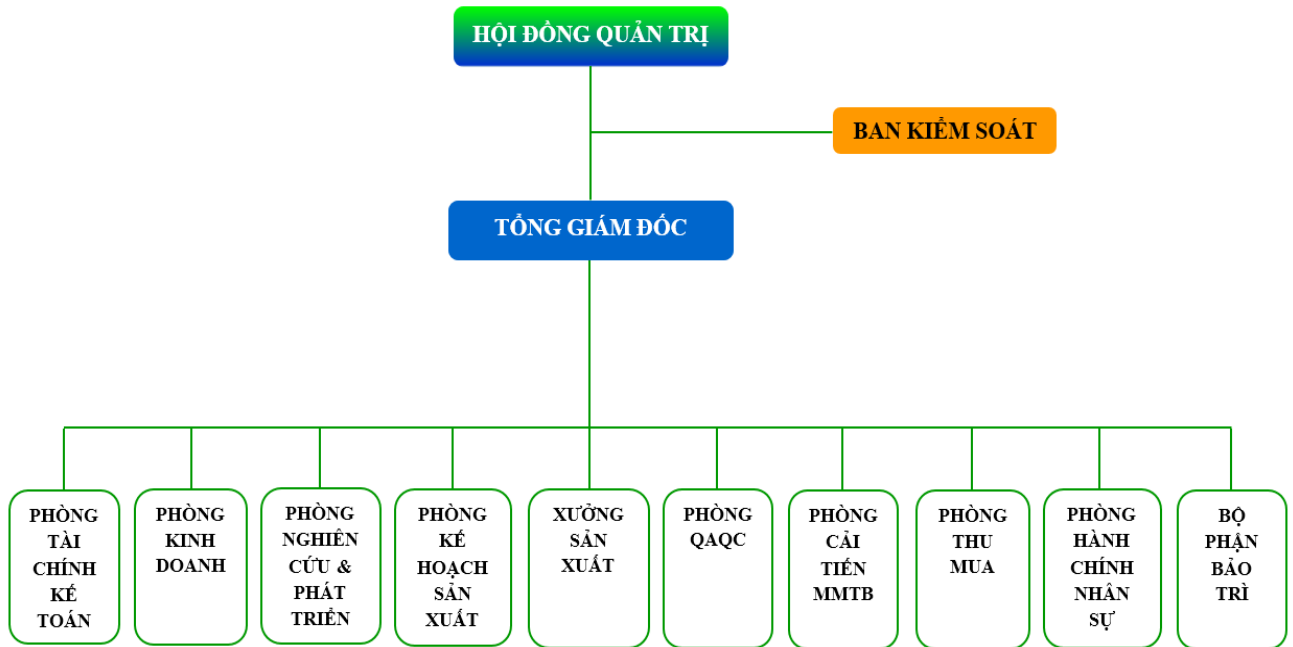


3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

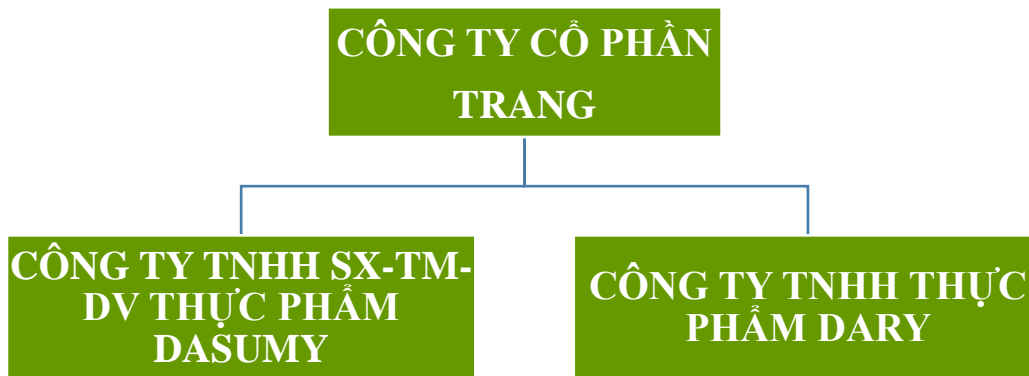
Công ty đang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc/Tổng giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý cụ thể như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG (TRANG CORP'S ORGANIZATION CHART)



Các công ty con và công ty liên kết:



Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN Hiệp Phước,
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thực phẩm:
Bánh, mứt, kẹo, sữa, socola,...

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu: 75%

Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN Hiệp Phước,
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê kho lạnh; Gia công, chế biến và xuất khẩu thực phẩm.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu: 45%

4. Định hướng phát triển

HĐQT và Ban điều hành Công ty đã vạch ra chiến lược phát triển trung và dài hạn với những mục tiêu cụ thể như sau:

- Tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất.
- Trở thành đối tác tin cậy trong ngành chế biến thực phẩm chất lượng cao.
- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Một trong 05 công ty chế biến thực phẩm chuyên sâu có doanh thu cao nhất Việt Nam.
- Đảm bảo mức chia lợi tức cho cổ đông ở mức cao nhất so với các công ty cùng lĩnh vực sản xuất.

5. Rủi ro tiềm tàng

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế thế giới nói chung đặc biệt là ở những nước phát triển ở Châu Âu, Mỹ và Úc khi dịch bệnh chưa được ngăn chặn và có những diễn biến khó lường. Covid-19 đã tạo ra những biến thể mới có tốc độ lây lan nhanh hơn và khả năng kháng vắc xin đang là một thách thức lớn cho các nhà khoa học cũng như chính phủ các nước trong việc trong khi việc phát triển vắc xin và thực hiện chiến lược tiêm chủng. Với những nhận định trên, HĐQT và Ban điều hành đã phân tích và nhận diện những rủi ro kinh doanh trong năm 2021 cũng như đưa ra giải pháp ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021.

STT	NHÓM RỦI RO	NHẬN DIỆN RỦI RO	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1	Dịch bệnh	Dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam	Xây dựng phương án sản xuất trong điều kiện dịch bệnh theo khuyến cáo của cơ quan nhà nước.
2	Rủi ro kinh doanh	Vận chuyển đường biển bị hạn chế và cước phí tăng cao.	Làm việc với đối tác và ký hợp đồng vận chuyển quốc tế cho năm 2021 với cước phí cố định.
		Khách hàng mất khả năng thanh toán.	Đối với khách hàng mới và khách lẻ, Công ty chuyển qua phương thức trả tiền trước, giao hàng sau. Đối với khách hàng truyền thống là các siêu thị, tiến hành đánh giá tín dụng thường xuyên và xây dựng hạn mức tín dụng theo giai đoạn.

3	Nguồn cung nguyên liệu và biến động giá	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn cung nguyên liệu bị thiếu hụt do nhu cầu tăng/hoạt động vận tải đường biển bị hạn chế. - Giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng mức dự trữ đối với nguyên liệu chính và những nguyên liệu nhập khẩu. - Tìm kiếm nguồn cung mới dự phòng. - Kiểm soát chặt mức tồn kho nguyên liệu.
4	Biến động tỷ giá	Tỷ giá biến động tăng/giảm	Triển khai mua ngoại tệ kỳ hạn phòng ngừa biến động tỷ giá tăng. Theo sát biến động thị trường để điều tiết thanh toán khoản vay trong hạn khi cần thiết.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả kinh doanh so với năm 2019

Kết thúc năm 2020, Công ty Cổ phần Trang đạt mức doanh thu trên 658,74 tỷ đồng tăng trưởng 22,28% so với năm 2019; lợi nhuận sau thuế đạt 19,82 tỷ đồng tăng 18,19% so với năm 2019.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	THAY ĐỔI
1	Doanh thu BH và CCDV	658,74	538,69	22,28%
2	Giá vốn hàng bán	570,26	447,96	27,30%
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	88,48	90,72	-2,47%
4	Doanh thu tài chính	9,83	12,29	-20,02%
5	Chi phí tài chính	13,81	19,54	-29,33%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>9,91</i>	<i>17,52</i>	<i>-43,46%</i>
6	Chi phí bán hàng	22,65	14,70	54,02%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38,44	42,61	-9,80%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	23,45	26,15	-10,33%
9	Lợi nhuận khác	-0,15	-2,81	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,30	23,34	-0,18%
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,35	5,19	
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	19,82	16,77	18,17%

b. Kết quả kinh doanh so với kế hoạch đề ra

Năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 lây lan trên toàn cầu nhưng Công ty Cổ phần Trang đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu đề ra, đạt 658,74 tỷ đồng tương ứng với 109,67% kế hoạch. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 19,82 tỷ đồng tương ứng với 64,49% kế hoạch đề ra. Chi phí các yếu tố đầu vào gia tăng là nguyên nhân chính dẫn đến không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	KH 2020	% HOÀN THÀNH
1	Doanh thu BH và CCDV	658,74	600,63	109,67%
2	Giá vốn hàng bán	570,26	504,53	113,02%
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	88,48	96,10	92,07%
4	Doanh thu tài chính	9,83		
5	Chi phí tài chính	13,81		
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>9,91</i>		
6	Chi phí bán hàng	22,65	14,11	160,52%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38,44	39,04	98,46%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	23,45	36,63	64,01%
9	Lợi nhuận khác	-0,15		
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,30		
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,35	5,90	56,77%
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	19,82	30,73	64,49%

2. Tổ chức và nhân Sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Trương Văn Quang	Tổng giám đốc	0.20%
2	Hồ Văn Trung	Phó TGD	17.16%
3	Nguyễn Quang Vinh	TP. Tài chính - Kế toán	0.16%

Trong năm 2020, Công ty có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành như sau: Ngày 29/06/2020 Ban điều hành đã quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Vinh giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2020:

Tổng số lượng nhân sự Công ty: 454 người

Phân theo số lượng:

Công nhân trực tiếp sản xuất	: 264 người
Công nhân gián tiếp sản xuất	: 97 người
Nhân viên văn phòng	: 77 người
Cán bộ Quản lý	: 16 người

Phân theo trình độ:

Trên đại học	: 2 người
Đại học, cao đẳng	: 118 người
Trung cấp chuyên nghiệp	: 13 người

Lao động phổ thông : 321 người

Phân theo giới tính:

Nam : 190 người

Nữ : 264 người

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2020

Năm 2020, Công ty Cổ phần Trang không triển khai các hoạt động đầu tư lớn về thành lập công ty con, công ty liên kết hay thực hiện M&A các doanh nghiệp khác.

b. Hoạt động các công ty con và công ty liên kết

DVT: TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU	DASUMY	DARY
Doanh thu	10,37	223,86
Lợi nhuận sau thuế	-1,20	0,09
Tổng tài sản	7,06	195,12

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

DVT: TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	576,88	487,15	18,41%
Doanh thu thuần	658,74	538,69	22,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23,45	26,15	-10,33%
Lợi nhuận khác	-0,16	-2,81	-
Lợi nhuận trước thuế	23,30	23,34	-0,18%
Lợi nhuận sau thuế	19,82	16,77	18,18%

b. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,31	1,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,05	1,16	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,61	0,57	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1,59	1,34	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	7,22	6,21	
+ Vòng quay tổng tài Sản:	1,35	1,04	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,01%	3,11%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	8,88%	8,05%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,44%	3,44%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Thông tin cổ phần

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ đăng ký	168.299.940.000 đồng
Vốn thực góp của cổ đông	168.299.940.000 đồng
Tổng số lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết	16.829.994 cổ phần
Loại cổ phần	01 quyền/cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Mệnh giá cổ phần phổ thông	10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông (tại 17/12/2020)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn (>=5%)		
- Trong nước	5.696.000	33,84%
- Nước ngoài	4.860.000	28,88%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Cổ đông nhỏ (<5%)		
- Trong nước	5.736.354	34,08%
- Nước ngoài	537.640	3.20%
TỔNG CỘNG	16.829.994	100%
Trong đó		
- Tổ chức	27.585	0.16%
- Cá nhân	16.802.409	99,84%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	NGÀY PHÁT SINH	VỐN TRƯỚC THAY ĐỔI	VỐN SAU THAY ĐỔI	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
1	31/01/2014	20 tỷ đồng	30 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 2:1)
2	29/06/2014	30 tỷ đồng	50 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 3:2)
3	10/03/2015	50 tỷ đồng	80 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 5:3)
4	26/06/2015	80 tỷ đồng	110 tỷ đồng	Phát hành bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 8:3). Giá phát hành 27.000 đồng/cổ phần
5	12/08/2016	110 tỷ đồng	168,3 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần từ lợi nhuận và thặng dư vốn

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: Không có

Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

e. Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Chất thải và nước thải: đảm bảo kiểm soát nước thải và chất thải tuần hoàn.
- Khí thải: đảm bảo giảm lượng khí thải CO2 chống biến đổi khí hậu.
- Nước sạch: đảm bảo sử dụng nguồn nước sạch có trách nhiệm và tuần hoàn.
- Năng lượng: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng điện.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Công ty sử dụng bao bì đóng gói trên nguyên tắc tối thiểu sử dụng chất thải nhựa, ưu tiên sử dụng bao bì giấy và bao bì tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng trực tiếp và gián tiếp: 6.438.311kW

6.4. Tiêu thụ nước

- Công ty sử dụng nguồn nước máy được cung cấp bởi Công ty CP KCN Hiệp Phước.
- Lượng nước tiêu thụ: 122.013M3
- Tỷ lệ nước thải sản xuất được thu gom xử lý: 100%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Chất thải và nước thải: Nước thải được thu gom và xử lý tại chỗ, đảm bảo chất lượng nước trước khi xả ra môi trường. Đối với chất thải rắn, công ty ký kết hợp đồng với Công ty môi trường để thu gom và xử lý theo quy định.

- Khí thải: Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phần lớn tiêu thụ điện năng, chỉ sử dụng nhiên liệu dầu DO đốt lò hơi với lượng tiêu thụ bình quân 3.000 lít/tháng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty đảm bảo lợi ích cho người lao động thông qua các chính sách và chương trình sau:

- Lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh;
- Có chính sách đối với lao động gắn bó lâu dài;
- Chính sách, quy chế đối với người lao động được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, công khai, minh bạch;
- Không ngừng đào tạo, phát triển kiến thức và kỹ năng cho người lao động;
- Tạo môi trường làm việc năng động, mở rộng các mối quan hệ giao lưu học hỏi giữa người lao động.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn theo đuổi phát triển trên cơ sở bền vững do đó trách nhiệm Công ty đối với địa phương luôn được chú trọng:

- Tạo công ăn việc làm cho 500 lao động tại địa bàn với nguồn thu nhập ổn định.
- Luôn đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ đối với địa phương.
- Tham gia các hoạt động từ thiện tại địa phương.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

Trong điều kiện kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn do đại dịch covid-19 lây lan trên toàn cầu, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 658.74 tỷ đồng, tăng trưởng 22,28% so với năm 2019 và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra 9,67%.

Biên lợi nhuận gộp hợp nhất trong năm 2020 đạt 13,43%, giảm 2,57% so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 làm gia tăng chi phí yếu tố đầu vào từ nguyên vật liệu đến dịch vụ mua ngoài và chi phí nhân công sản xuất trực tiếp gia tăng do tăng ca đáp ứng yêu cầu.

Biên chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp hợp nhất trong năm 2020 đạt 9,27% doanh thu thuần giảm 1,37% so với năm 2019. Đạt được kết quả này là do trong năm 2020, Ban lãnh đạo đã kiểm soát chặt chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng gắn chặt với doanh thu xuất khẩu.

Lợi nhuận ròng hợp nhất năm 2020 đạt 19,82 tỷ đồng, tăng trưởng 18,17% so với năm 2019. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ hoàn thành 64,49% kế hoạch.

Thị trường xuất khẩu trong năm 2020 vẫn tập trung vào các thị trường truyền thống (UK, EU, Mỹ và Úc) với tỷ trọng doanh thu thị trường UK và EU chiếm 74,8%, Mỹ 16,6% và Úc 4,9%. Bên cạnh thị trường truyền thống, trong năm 2020 công ty tiếp tục duy trì nhóm khách hàng ở thị trường Châu Á. Cơ cấu mặt hàng

trong năm 2020 có sự dịch chuyển trong nhóm sản phẩm rau củ chay. Tỷ trọng doanh thu sản phẩm rau củ tăng từ mức 14,5% năm 2019 lên mức 18% trong năm 2020.

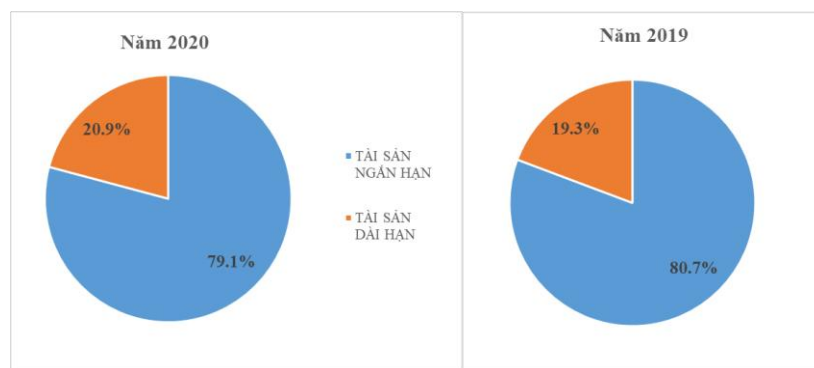
2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019
Tổng tài sản	576,88	487,15
Doanh thu thuần	658,74	538,69
Vòng quay tổng tài sản	1,14	1.11
Lợi nhuận sau thuế	19,82	16,77
ROA	3,44%	3,44%

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2020 đạt 576,88 tỷ đồng, tăng 18,42% so với năm 2019. Vòng quay tổng tài sản năm 2020 đạt 1,14 vòng tăng 0,03 vòng so với năm 2019 cho thấy Công ty đang khai thác tài sản phục vụ cho sản xuất tốt hơn trong năm 2020.

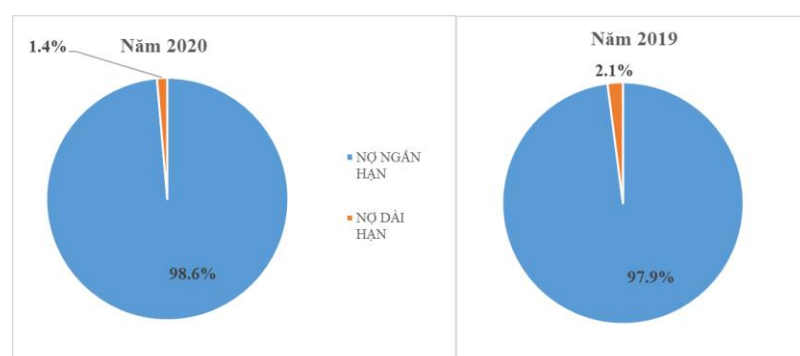
Cơ cấu tài sản:



b. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	TĂNG/GIẢM	TĂNG/GIẢM
Nợ ngắn hạn	348,97	273,09	75.88	75.88
Nợ dài hạn	4,84	5,72	0.88	0.88
Tổng nợ	353,81	278,81	75.00	75.00



Năm 2020, Nợ phải trả đạt 353,81 tỷ đồng tăng 75 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 tương ứng với tỷ lệ tăng 26,90%. Cơ cấu nợ phải trả tập trung vào chủ yếu vào nợ ngắn hạn, chiếm 98,6% tăng 0,7% so với năm 2019. Nợ ngắn hạn trong năm 2020 tăng cả số tương đối và số tuyệt đối do trong năm Công ty tăng cường các khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty Cổ phần Trang tiếp tục tập trung vào sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang các nước phát triển, trong đó:

- Tập trung mở rộng hoạt động kinh doanh tại thị trường Mỹ, đặt mục tiêu nâng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu lên 35-40%.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm Vegem và Gluten free rau củ đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với nhóm thực phẩm tốt cho sức khỏe.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch covid-19 lây lan trên toàn cầu và Chính phủ Việt Nam đã thực hiện việc giãn cách xã hội để ngăn chặn việc lây lan covid-19 trên cả nước nhưng Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực phấn đấu trong sản xuất và hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu đề ra. Kết quả này cho thấy, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV công ty có thể vượt qua những khó khăn thử thách để nắm bắt cơ hội cho sự phát triển. Bên cạnh mục tiêu doanh thu đã hoàn thành vượt mức, chỉ tiêu lợi nhuận năm 2020 chưa đạt cho thấy những điểm yếu mà Ban lãnh đạo công ty cần phân tích, đánh giá và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh trong những năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (HĐQT) trong năm 2020 vẫn tổ chức và triển khai các hoạt động theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cụ thể như sau:

- Đã giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược, xem xét, đánh giá tình hình thực hiện và sàng lọc các dự án chiến lược.
- Đã cùng với Ban Điều hành sàng lọc và lựa chọn các nhân sự nòng cốt cho các công ty con, công ty liên kết.
- Tiến hành họp HĐQT định kỳ hàng quý và có những chỉ đạo kịp thời đối với Ban điều hành khi xảy ra các tình huống đặc biệt như dịch bệnh Covid 19.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc

Với những kết quả đạt được trong năm 2020 trong điều kiện đầy khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc trong năm qua đã có những nỗ lực lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao. Đặc biệt, Ban Tổng giám đốc đã làm tốt công tác điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu đơn hàng gia tăng trong những tháng cao điểm sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu đề ra 9,07%, tăng trưởng 22,28% so với năm 2019.

3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

HĐQT định hướng tiếp tục công tác tái tổ chức bộ máy quản lý và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả làm việc bên cạnh đó tập trung hoàn thiện dây chuyền sản xuất, gia

tăng cơ khí hóa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong năm 2021 và những năm tiếp theo, HĐQT đưa ra kế hoạch thực hiện cho Ban Tổng giám đốc như sau:

- Hoàn thành việc xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả trong năm 2021.
- Trong năm 2021, nâng tỷ lệ sử dụng máy móc thiết bị vào sản xuất trên 70% và tiếp tục hoàn thiện dây chuyền sản xuất để tiến tới tự động hóa 30% dây chuyền sản xuất trong năm 2022.
- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 25-30%/năm trong 5 năm tới.
- Mở rộng phân phối sản phẩm tại thị trường Mỹ, nâng tỷ trọng doanh tại thị trường Mỹ lên 30-40% tổng doanh thu xuất khẩu.
- Phát triển các mặt hàng Vegan và Gluten Free đáp ứng nhu cầu thực phẩm tốt cho sức khỏe ngày càng gia tăng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NĂM SINH	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Chủ tịch HĐQT	Bà Nguyễn Minh Nguyệt	1956	<ul style="list-style-type: none">- Từ 1980-1990 Giám đốc quản lý chất lượng tại Công ty sản xuất Kem Street - Úc.- Từ 1990 - 2005 Giám đốc nhà máy sản xuất thực phẩm Trangs Food Pty Ltd - Úc.- Từ 2005-T9/2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang - Việt Nam.- Từ T9/2015-T07/2017: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc.- Đến 29/06/2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Trang.- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Trang.
Thành viên HĐQT	Ông Hồ Văn Trung	1952	<ul style="list-style-type: none">- Từ 1980-2000: Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food Pty Ltd - Úc - Giám đốc.- Từ 2000-2007: Trangs Group - Chuyên viên bán hàng Quốc tế.- Từ 2007 - nay: Cố vấn chiến lược và cố vấn công nghệ Công ty CP Trang.- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Trang.

Thành viên HĐQT	Ông David Ho	1985	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/01/2013 – 31/12/2005 Trưởng phòng quản lý kinh doanh Trangs Food Pty Ltd. chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm - Úc - Từ 01/01/2006 - 31/12/2008 Giám đốc quản lý Trangs Food Pty Ltd. chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm - Úc - Từ 01/01/2009 - 2013 Giám đốc quản lý kiêm Giám đốc kinh doanh quốc tế Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food - Úc - Từ 09/2015 - Thành viên HĐQT Công ty CP Trang
Thành viên HĐQT	Ông Trương Văn Quang	1976	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 01/1999 đến tháng 12/2001: Nhân viên quản lý chất lượng Công ty COFIDEC. - Từ tháng 01/2002 đến tháng 09/2006: Quản đốc xưởng Công ty COFIDEC. - Từ tháng 10/2006 đến tháng 02/2017: Quản đốc xưởng Công ty CP Trang. - Từ tháng 03/2017 - 07/2019: Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Trang. - Từ tháng 07/2019 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang.
Thành viên HĐQT	Ông Võ Thiên Chương	1980	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2007 đến năm 2011: Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc chi nhánh. - Từ năm 2003 đến năm 2007: Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A, kế toán trưởng, Trợ lý kiểm toán - Từ 2003 - 2007 KTT, Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Từ 2012 - 2017 Thành Viên BKS Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh - Đến 01/05/2017: CFO Công ty CP Trang - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Trang
Thành viên HĐQT	Bà Nguyễn Minh Tâm	1967	<ul style="list-style-type: none"> - 1985 - 1990 Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty Sản xuất Kem Street - Úc. - 1990 - 2005: Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty Chế biến Thực phẩm Trangs Food Pty Ltd. - Úc. - 2005 - nay TV HĐQT Công ty CP Trang
Thành viên HĐQT	Ông Huỳnh Khánh Hiếu	1974	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1995 - 2002: Công ty Kiểm toán AFC Sài Gòn. - Từ 2002 - 2005 : Công ty Kiểm toán DTL - Từ 2005 - 2006 : Công ty Kiểm toán Quang Minh - Từ 2006 - Nay : Đầu tư tài chính

b. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể và luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty. HĐQT đưa ra chiến lược phát triển và giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật.
- Bên cạnh đó, các thành viên của HĐQT cũng thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch HĐQT thông qua văn bản, email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của Công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó, HĐQT luôn nắm bắt sát sao, kịp thời để chỉ đạo và đôn đốc các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- HĐQT cũng đã đưa ra các ý kiến cố vấn liên quan đến tài chính, đầu tư, kế hoạch kinh doanh, sử dụng chi phí để Ban Tổng Giám đốc Công ty có định hướng thực hiện theo đúng kế hoạch đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

STT	HỌP HĐQT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/20/BB/HĐQT-TFC	10/04/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019.- Thông qua dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2020.- Thông qua một số hành động, giải pháp nhằm cải thiện kết quả kinh doanh.- Thông qua một số vấn đề khác.
2	02/20/BB/HĐQT-TFC	27/05/2020	<ul style="list-style-type: none">- Sơ kết hoạt động kinh doanh 4 tháng đầu năm 2020.- Kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và chương trình họp.- Thông qua một số vấn đề khác.
3	03/20/BB/HĐQT-TFC	14/10/2020	<ul style="list-style-type: none">- Xem xét tờ trình của Tổng giám đốc về việc “Vay vốn tại Ngân hàng Woori Việt Nam - CN Sài Gòn”
4	04/20/BB/HĐQT-TFC	27/11/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt, tỷ lệ 2,5% mệnh giá (250đ/cổ phiếu)

5	05/20/BB/HĐQT-TFC	30/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sơ bộ kết quả kinh doanh 2020 - Kế hoạch kinh doanh và đầu tư 2021 - Xem xét tờ trình điều chỉnh lãi suất cho vay và Ký quỹ hợp đồng cung ứng tôm nguyên liệu, thuê kho lạnh và dịch vụ gia công bán thành phẩm. - Xem xét tờ trình về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đề nghị cho vay vốn Dary năm 2021.
---	-------------------	------------	--

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NĂM SINH	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Trưởng BKS	Bà Vũ Thị Minh Chiến	1954	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2003 - 2005: Phó giám đốc Công ty kinh doanh hàng TTVN (Công ty dệt may Việt Nam) - Từ 2005 - 2009: Giám đốc Hành chính nhân sự Công ty CP Trang - Từ 2009 - 2015: Giám đốc điều hành Công ty CP Trang - Từ 2015 - Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Trang
Thành viên BKS	Bà Trần Thanh Hương	1955	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1979 - 1981 : giáo viên - Từ 1983 - 1986 : Kế toán Công ty Liên hiệp XNK T.Cửu Long - Từ 1986 - 1991 : Kế toán trưởng Công ty DV TD TT T.Vĩnh Long - Từ 1993 - 1995 : Kế toán thuế Công ty TNHH DV TM Viễn Tin - Từ 1996 - 2001 : Kế toán quản trị và tư vấn Công ty CP DV Bưu chính viễn thông Sài Gòn - Từ 2001 - 2012 : Thủ quỹ Công ty CP DV-BC-VT Sài Gòn - Từ 2012 - 2016 : Về hưu - Từ 2016 - Nay: Thành viên BKS Công ty CP Trang
Thành viên BKS	Bà Trương Thị Huỳnh Như	1988	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2015 - 07/2019: Nhân viên thu mua Công ty CP Trang. - Từ tháng 07/2019 - nay: Thành viên BKS Công ty CP Trang.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình. Trưởng BKS đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động của đơn vị, định kỳ hàng quý thực hiện kiểm tra các đơn vị, phòng ban để hỗ trợ các

đơn vị thực hiện công tác hạch toán kế toán đúng quy định đồng thời thực hiện đúng chính sách với người lao động.

- BKS thực hiện kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng tháng, quý của phòng tài chính -kế toán trước khi trình HĐQT. Giám sát việc thực thi pháp luật, chấp hành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật như các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước và Người lao động.
- BKS tham dự các cuộc họp, trao đổi trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty, đóng góp ý kiến trong việc triển khai thực hiện các nội dung đã được HĐQT giao phó. Tham gia kiểm tra, kiểm soát theo các nội dung, xem xét giải quyết các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình bán hàng, chính sách công nợ của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính kế toán, quản lý công nợ, quản lý chi phí của Công ty.
- Kiểm tra, đôn đốc và đánh giá việc chấp hành công bố thông tin, minh bạch trong chế độ báo cáo theo các quy định của Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- BKS đảm bảo thực hiện theo đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn được quy định trong Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty Cổ phần Trang.

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	4/4	100%	
2	Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	4/4	100%	
3	Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên	4/4	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2020.

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	LƯƠNG	THƯỞNG	THÙ LAO	LỢI ÍCH KHÁC
Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Minh Nguyệt	1.317.950.000	137.110.000	144.000.000	
TV HĐQT - TGD	Trương Văn Quang	1.192.850.000	77.234.000	78.000.000	
TV HĐQT - P. TGD	Hồ Văn Trung	1.190.211.000	89.535.000	78.000.000	
TV HĐQT	Nguyễn Minh Tâm			78.000.000	
TV HĐQT	David Hồ			78.000.000	
TV HĐQT	Võ Thiên Chương			78.000.000	
TV HĐQT	Huỳnh Khánh Hiếu			78.000.000	
Trưởng BKS	Vũ Thị Minh Chiến	240.000.000	28.420.000	33.600.000	
TV BKS	Trần Thanh Hương	90.000.000	11.010.000	32.400.000	
TV BKS	Trương Thị Huỳnh Như	163.978.000	12.226.000	30.000.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Trong năm 2020, Các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc không thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Hợp đồng giữa Công ty CP Trang với Công ty TNHH Thực phẩm Dary:

- Hợp đồng cho vay số 01-02/2020TFC-DR ngày 15/02/2020
- Hợp đồng cho vay số 01-04/2020VDR-TR ngày 30/03/2020
- Hợp đồng cho vay số 01-06/2020TFC-DR ngày 15/06/2020
- Hợp đồng cho vay số 01-12/2020TFC-DR ngày 10/12/2020
- Hợp đồng thuê kho lạnh số 001-01-2020 DR-TR ngày 01/01/2020
- Hợp đồng mua bán các mặt hàng tôm thẻ, sú HLSO số 07/01-2020 HDNT/DR-TR ngày 01/01/2020
- Hợp đồng gia công sản phẩm số TR-DR 01-2020/03 ngày 01/01/2020
- Hợp đồng gia công, cấp đông mặt hàng tôm thẻ, tôm sấu ... số TR-DR 01-2020/06 ngày 01/01/2020
- Hợp đồng gia công rau củ số TR-DR 01-2020/01 ngày 01/01/2020

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : I5-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0663/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		456.556.618.863	393.168.044.582
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49.415.030.777	24.391.147.528
1. Tiền	111		49.415.030.777	24.391.147.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.003.008.961	29.736.402.041
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	299.500.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	55.703.508.961	29.736.402.041
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		259.462.410.962	261.671.043.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	226.216.422.096	224.860.756.692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.206.217.449	599.594.109
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	12.670.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	32.720.507.680	24.105.000.859
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(680.736.263)	(564.308.225)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	89.798.964.113	68.107.411.701
1. Hàng tồn kho	141		89.879.000.113	68.107.411.701
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.036.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.877.204.050	9.262.039.877
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.858.531.959	2.681.759.524
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.562.129.207
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	18.672.091	18.151.146
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.318.930.552	93.985.382.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		83.641.638.697	52.874.293.495
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	51.511.720.000	47.680.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	32.129.918.697	5.194.293.495
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.525.559.616	28.846.387.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.906.441.086	26.031.468.650
- Nguyên giá	222		77.355.778.801	81.116.622.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.449.337.715)	(55.085.153.977)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	2.616.701.857	2.806.701.853
- Nguyên giá	225		2.850.000.000	2.850.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(233.298.143)	(43.298.147)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.416.673	8.216.669
- Nguyên giá	228		360.430.800	360.430.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358.014.127)	(352.214.131)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		496.895.410	18.186.288
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	496.895.410	18.186.288
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.819.271.017	7.780.443.146
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	7.819.271.017	7.780.443.146
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.835.565.812	4.466.072.846
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.835.565.812	4.436.804.707
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	29.268.139
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		576.875.549.415	487.153.427.529

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		353.808.403.643	278.813.641.763
I. Nợ ngắn hạn	310		348.966.251.409	273.090.375.001
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	67.191.428.781	43.840.661.992
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.508.010.353	272.581.538
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3.425.708.812	4.286.294.280
4. Phải trả người lao động	314	V.18	11.082.778.000	9.828.087.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	7.228.141.184	4.136.686.241
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	1.642.028.708	805.158.255
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	256.769.890.972	209.920.905.695
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	118.264.599	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.842.152.234	5.723.266.762
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	1.089.583.316	2.095.083.332
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	3.752.568.918	3.628.183.430
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



15/12/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		223.067.145.772	208.339.785.766
I. Vốn chủ sở hữu	410		223.067.145.772	208.339.785.766
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	37.615.898.864	22.589.780.841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.055.323.775	22.589.780.841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.560.575.089	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	(22.345.820)	276.412.197
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		576.875.549.415	487.153.427.529

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lậpLê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởngNguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toánTrương Văn Quang
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	658.802.692.534	538.739.433.578
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	60.666.602	53.104.773
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		658.742.025.932	538.686.328.805
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	570.262.193.405	447.961.442.967
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.479.832.527	90.724.885.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.827.384.987	12.287.491.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13.809.927.187	19.541.576.699
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.905.900.338	17.519.257.086
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	38.827.871	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.647.264.183	14.704.260.753
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	38.437.724.739	42.614.409.304
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.451.129.276	26.152.130.562
12. Thu nhập khác	31		28.614.576	136.817.476
13. Chi phí khác	32	VI.8	183.704.145	2.951.556.009
14. Lợi nhuận khác	40		(155.089.569)	(2.814.738.533)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.296.039.707	23.337.392.029
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	3.354.724.509	5.189.385.005
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	124.385.488	1.377.861.786
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.816.929.710	16.770.145.238
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.115.687.727	22.912.885.190
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(298.758.017)	(6.142.739.952)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.172	1.318
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.172	1.318

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lậpLê Thị Tường Hạng
Kế toán trưởngNguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toánTrương Văn Quang
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.296.039.707	23.337.392.029
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	4.420.884.343	12.069.464.053
- Các khoản dự phòng	03	V.7; V.8	236.013.783	821.681.674
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	136.472.145	(249.670.819)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c; VI.4	(6.112.398.752)	(9.953.794.128)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	9.905.900.338	17.519.257.086
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.882.911.564	43.544.329.895
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.338.321.620)	(76.081.641.712)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.996.590.222)	5.079.591.476
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.878.123.325	29.268.317.124
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.570.999.154	2.725.711.265
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	(299.500.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20a, VI.5	(9.820.656.338)	(17.381.823.086)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(4.123.555.833)	(4.003.113.482)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		118.264.599	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(20.000.000)	(524.688.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.851.674.629	(17.373.316.520)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.13	(3.114.141.651)	(11.474.766.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.567.106.920)	(8.795.551.395)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(404.762.178)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.4	6.162.143.605	1.445.416.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.349.104.966)	(10.454.662.859)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	600.533.151.698	467.347.291.345
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(553.884.805.039)	(444.299.434.775)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.21	(731.500.008)	(1.318.056.676)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20a, V.24	(4.207.690.500)	(6.559.256.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.709.156.151	15.170.543.294
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		25.211.725.814	(12.657.436.085)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	24.391.147.528	36.776.705.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(187.842.565)	271.877.641
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	49.415.030.777	24.391.147.528

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lậpLê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởngNguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toánTrương Văn Quang
Tổng Giám đốc300449
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN VÀ
A &
H-T.P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty con này là 75% (số đầu năm là 75%).

5c. Danh sách Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 45% (số đầu năm là 45%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 545 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 653 nhân viên).



11/12/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con. Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

.449

.NG

.HIỆM

.ÁN VỊ

&

.T.P.I

T.1

T.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc, thiết bị là 10 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



10/03/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

J3004
CỘNG
HỢP NHỮNG
CÔNG TY
TOÁN
A &
H-T.I

33
11
3
4
1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

49815
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HỢP NHẤT
VÀ TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ MINH

36
T
A
N

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	729.985.133	119.348.675
Tiền gửi ngân hàng	48.685.045.644	24.271.798.853
Cộng	<u>49.415.030.777</u>	<u>24.391.147.528</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	27.000.000.000	27.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(19.180.728.983)	(19.219.556.854)
Cộng	<u>7.819.271.017</u>	<u>7.780.443.146</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.780.443.146	-
Phân vốn còn lại sau khi thoái vốn từ công ty con thành công ty liên kết	-	27.000.000.000
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	38.827.871	(19.219.556.854)
Số cuối năm	<u>7.819.271.017</u>	<u>7.780.443.146</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh đang bắt đầu có lãi.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ gia công	3.041.223.354	-
Bán nguyên vật liệu	374.305.400	-
Thuê dịch vụ gia công	35.938.140.108	-
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	5.196.532.761	-
Mua nguyên vật liệu	139.488.864.720	-
Cho vay	15.600.000.000	-
Lãi cho vay	4.113.188.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	729.070.522	2.046.878.671
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	729.070.522	2.046.878.671
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	225.487.351.574	222.813.878.021
Trangs Group USA Incorporated	37.911.467.652	54.951.271.581
Trangs Food Pty Ltd	7.053.956.216	33.811.020.497
Trangs UK Limited	135.106.945.580	109.314.805.250
Trangs Europe B.V	23.306.352.226	12.806.026.233
Các khách hàng khác	22.108.629.900	11.930.754.460
Cộng	<u>226.216.422.096</u>	<u>224.860.756.692</u>

Toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cơ khí Quỳnh Quân	93.500.000	237.600.000
Operadora Y Procesadora De Productos Marinos	374.690.100	-
Các nhà cung cấp khác	738.027.349	361.994.109
Cộng	<u>1.206.217.449</u>	<u>599.594.109</u>

5. Phải thu về cho vay
5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho bên liên quan vay</i>	-	10.500.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	-	10.500.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	2.170.000.000
Bà Võ Thị Mỹ	-	2.170.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>12.670.000.000</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay thời hạn 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
6. Phải thu khác
6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	50.000.000	-	13.423.031.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	-	-	573.031.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Cho mượn	50.000.000	-	850.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu – Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Thực phẩm Dary	-	-	12.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	32.670.507.680	-	10.681.969.859	-
Tạm ứng	969.640.005	-	1.287.407.005	-
Lãi cho vay	680.737.500	-	680.737.500	-
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	27.590.732.107	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.429.398.068	-	8.713.825.354	-
Cộng	32.720.507.680	-	24.105.000.859	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	31.663.254.890	-	4.708.796.614	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	5.193.254.890	-	4.708.796.614	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Ký cược, ký quỹ	26.470.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	466.663.807	-	485.496.881	-
Cộng	32.129.918.697	-	5.194.293.495	-

7. Nợ khó thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Lam Chi - Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	109.504.728	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	109.504.728
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Song Thịnh Phát - Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	108.142.460	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	108.142.460
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 02 năm đến trên 03 năm	709.022.700	Từ 01 năm đến trên 03 năm	709.022.700
Cộng		926.669.888		926.669.888
		32.851.418		54.752.364
		32.442.738		54.071.230
		180.639.469		253.538.084
		245.933.625		362.361.678

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	564.308.225	100.973.266
Trích lập dự phòng bổ sung	116.428.038	463.334.944
Số cuối năm	680.736.263	564.308.210

 N:030
 TRÁCH
 KIỂM TỐ
 A
 BÌNH

Nguyễn Thị Thu Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.084.004.784	-	51.293.684.159	-
Công cụ, dụng cụ	1.971.702.697	-	1.052.855.900	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.183.723.015	-	5.150.797.594	-
Thành phẩm	21.583.579.729	-	10.412.801.587	-
Hàng hóa	129.111.590	(80.036.000)	197.272.461	-
Hàng gửi đi bán	10.926.878.298	-	-	-
Cộng	89.879.000.113	(80.036.000)	68.107.411.701	-

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển tại ngày kết thúc năm tài chính là 80.036.000 VND (số đầu năm là 0 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	1.111.705.400
Trích lập dự phòng bổ sung	119.585.745	-
Xử lý dự phòng do thanh lý hàng tồn kho	(39.549.745)	(1.111.705.400)
Số cuối năm	80.036.000	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.21).

9. Chi phí trả trước
9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	397.733.310	1.132.433.685
Chi phí sửa chữa	109.033.282	453.665.173
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.351.765.367	1.095.660.666
Cộng	1.858.531.959	2.681.759.524

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	290.734.835	499.501.905
Chi phí sửa chữa	-	257.457.461
Tiền thuê đất	3.487.387.906	3.610.433.122
Các chi phí trả trước dài hạn khác	57.443.071	69.412.219
Cộng	3.835.565.812	4.436.804.707

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.625.381.839	60.164.664.795	4.870.936.256	1.455.639.737	81.116.622.627
Mua trong năm	-	2.147.925.711	487.506.818	-	2.635.432.529
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.416.158.020)	-	-	(3.416.158.020)
Giảm do xóa sổ	-	(2.568.585.205)	(239.000.000)	-	(2.807.585.205)
Giảm khác	-	(172.533.130)	-	-	(172.533.130)
Số cuối năm	14.625.381.839	56.155.314.151	5.119.443.074	1.455.639.737	77.355.778.801
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.050.122.533	25.991.833.120	2.164.337.165	1.291.179.507	31.497.472.325
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.057.934.900	42.580.844.176	3.109.612.970	1.336.761.931	55.085.153.977
Khấu hao trong năm	587.115.559	3.118.856.696	482.123.064	36.989.032	4.225.084.351
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.053.315.408)	-	-	(1.053.315.408)
Giảm do xóa sổ	-	(2.568.585.205)	(239.000.000)	-	(2.807.585.205)
Số cuối năm	8.645.050.459	42.077.800.259	3.352.736.034	1.373.750.963	55.449.337.715
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.567.446.939	17.583.820.619	1.761.323.286	118.877.806	26.031.468.650
Số cuối năm	5.980.331.380	14.077.513.892	1.766.707.040	81.888.774	21.906.441.086
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.154.182.706 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.850.000.000	43.298.147	2.806.701.853
Khấu hao trong năm	-	189.999.996	-
Số cuối năm	2.850.000.000	233.298.143	2.616.701.857

12. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	360.430.800	352.214.131	8.216.669
Khấu hao trong năm	-	5.799.996	-
Số cuối năm	360.430.800	358.014.127	2.416.673
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	312.290.800	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất mở rộng nhà xưởng, chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	294.333.300	(129.533.300)	-	164.800.000
Xây dựng cơ bản dở dang	18.186.288	53.900.000	-	(72.086.288)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.267.740.324	(895.935.415)	(39.709.499)	332.095.410
Cộng	18.186.288	1.615.973.624	(1.025.468.715)	(111.795.787)	496.895.410

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.268.139	29.268.139
Giảm khác	(29.268.139)	-
Số cuối năm	-	29.268.139

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Các công ty trong Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với tổng số tiền là 13.513.167.992 VND.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì chưa chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	9.084.306.115	6.020.614.962
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	9.084.306.115	6.020.614.962
Phải trả các nhà cung cấp khác	58.107.122.666	37.820.047.030
Cơ sở Thái Loan - Nguyễn Hoàng Thơ	9.160.471.300	-
Các nhà cung cấp khác	48.946.651.366	37.820.047.030
Cộng	67.191.428.781	43.840.661.992

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Noramix Trade AS	1.494.959.976	-
Các khách hàng khác	13.050.377	272.581.538
Cộng	1.508.010.353	272.581.538

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	277.275.346	(234.114.215)	43.161.131	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	12.421.245	(12.421.245)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.871.984.880	-	3.354.724.509	(4.123.555.833)	3.103.153.556	-
Thuế thu nhập cá nhân	414.309.400	18.151.146	1.350.004.345	(1.485.440.565)	279.394.125	18.672.091
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.116.951	(18.116.951)	-	-
Cộng	4.286.294.280	18.151.146	5.019.542.396	(5.880.648.809)	3.425.708.812	18.672.091

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	7.224.209.012	4.071.076.882
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.932.172	65.609.359
Cộng	7.228.141.184	4.136.686.241

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Phải trả khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	253.711.000	168.467.000
Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả	222.678.000	137.434.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu - Chi phí lãi vay phải trả	31.033.000	31.033.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.388.317.708	636.691.255
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.197.324.458	322.549.790
Cổ tức phải trả	172.549.000	172.741.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.444.250	98.920.099
Cộng	1.642.028.708	805.158.255

20b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	10.618.000.000	14.000.000.000
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt ⁽ⁱ⁾	10.618.000.000	14.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	246.151.890.972	195.920.905.695
Vay ngắn hạn ngân hàng	245.237.890.964	194.342.622.515
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 ⁽ⁱⁱ⁾	68.910.015.722	64.564.356.279
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	54.826.143.128	55.424.489.522
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	22.953.631.770
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ^(iv)	89.388.461.454	41.915.471.544
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ^(v)	9.052.647.660	9.484.673.400
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ^(vi)	23.060.623.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	182.500.000	846.783.172
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	731.500.008	731.500.008
Cộng	256.769.890.972	209.920.905.695

⁽ⁱ⁾ Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 70.000.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền tiết kiệm (xem thuyết minh số V.2a), tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại, hạn mức vay 57.000.000.000 VND và 500.000,00 USD với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 6.000.000,00 USD với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 10.000.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 1.000.000 USD với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Giảm do chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Vay ngắn hạn ngân hàng	194.342.622.515	592.715.151.698	-	(73.361.390)	(541.746.521.859)
Vay ngắn hạn cá nhân	14.000.000.000	7.818.000.000	-	-	(11.200.000.000)	10.618.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	846.783.172	-	182.500.000	-	(846.783.172)	182.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	731.500.008	-	731.500.008	-	(731.500.008)	731.500.008
Cộng	209.920.905.695	600.533.151.698	914.000.008	(73.361.390)	(554.524.805.039)	256.769.890.972

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	480.000.000	754.000.008
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị ⁽ⁱⁱ⁾	609.583.316	1.341.083.324
Cộng	1.089.583.316	2.095.083.332

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia (Xem thuyết minh V.10).
- (iii) Tập đoàn thuê tài chính Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số B190730202 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số B190727302 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	662.500.000	182.500.000	480.000.000
Nợ thuê tài chính	1.341.083.324	731.500.008	609.583.316
Cộng	2.003.583.324	914.000.008	1.089.583.316
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	1.600.783.180	846.783.172	754.000.008
Nợ thuê tài chính	2.072.583.332	731.500.008	1.341.083.324
Cộng	3.673.366.512	1.578.283.180	2.095.083.332

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	754.000.008	(182.500.000)	(91.500.008)	480.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.341.083.324	(731.500.008)	-	609.583.316
Cộng	2.095.083.332	(914.000.008)	(91.500.008)	1.089.583.316

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	326.958.565	358.310.203
Tăng khác	(188.693.966)	166.377.797
Chi quỹ	(20.000.000)	(524.688.000)
Số cuối năm	118.264.599	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.628.183.430	2.250.321.644
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	124.385.488	1.377.861.786
Số cuối năm	3.752.568.918	3.628.183.430

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15%.

24. Vốn chủ sở hữu
24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	62.739.940.000
Cộng	168.299.940.000	168.299.940.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	16,69	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	37,27	62.739.940.000
Cộng	168.299.940.000	100,00	168.299.940.000

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.829.994	16.829.994
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.829.994	16.829.994
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/TFC ngày 30 tháng 6 năm 2020 với số tiền là 326.958.566 VND. Theo nghị quyết này, Đại hội cổ đông đã phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 với mức cổ tức được đề xuất chia cho các cổ đông là 4.207.498.500 VND.

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng tạm trích thù lao của Hội đồng quản trị năm 2020 từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 396.000.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.979.817,81	810.122,29
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,89	4,89

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	655.322.772.832	530.374.567.540
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.479.919.702	8.364.866.038
Cộng	<u>658.802.692.534</u>	<u>538.739.433.578</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	570.142.607.660	444.842.314.953
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.760.781.299
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	119.585.745	358.346.715
Cộng	<u>570.262.193.405</u>	<u>447.961.442.967</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.960.382.881	1.204.198.339
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	512.877	4.016.638
Lãi tiền cho vay	4.113.188.000	241.218.395
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.753.301.229	2.046.362.020
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	249.670.819
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	8.542.025.269
Cộng	<u>9.827.384.987</u>	<u>12.287.491.480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.905.900.338	17.519.257.086
Chi phí lãi thuê tài chính	148.053.061	41.426.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.619.501.643	1.980.892.619
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	136.472.145	-
Cộng	<u>13.809.927.187</u>	<u>19.541.576.699</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.202.155.055	3.034.823.672
Chi phí vật liệu, bao bì	1.171.294.868	1.307.370.476
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.054.156	623.708.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.000.384	89.637.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.684.823.114	4.689.972.362
Chi phí xuất khẩu hàng hóa	10.905.014.684	2.473.033.383
Các chi phí khác	5.579.921.922	2.485.714.155
Cộng	<u>22.647.264.183</u>	<u>14.704.260.753</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	26.381.063.710	24.099.340.814
Chi phí vật liệu quản lý	-	189.957.371
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.175.103.958	1.413.885.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.310.510	2.047.829.813
Thuế, phí và lệ phí	760.462.982	712.245.870
Dự phòng phải thu khó đòi	116.428.038	463.334.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.648.970.340	3.180.712.067
Các chi phí khác	6.997.385.201	10.507.103.016
Cộng	<u>38.437.724.739</u>	<u>42.614.409.304</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	33.647.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.089.920	198.994.087
Thuế bị phạt, bị truy thu	36.072.649	260.132.323
Xóa lý nợ phải thu khó đòi	-	153.055.180
Các chi phí khác	1.541.576	2.305.726.544
Cộng	<u>183.704.145</u>	<u>2.951.556.009</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	124.385.488	1.377.861.786
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	<u>124.385.488</u>	<u>1.377.861.786</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	20.115.687.728	22.912.885.190
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(326.958.566)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	(396.000.000)	(399.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	19.719.687.728	22.186.926.624
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.829.994	16.829.994
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.172	1.318

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng qui định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1338 VND xuống còn 1318 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	462.184.057.555	386.230.544.407
Chi phí nhân công	140.180.850.709	103.767.830.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.420.884.343	12.069.464.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.951.452.117	28.585.967.921
Chi phí khác	14.657.473.562	19.017.867.894
Cộng	652.394.718.286	549.671.674.359

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan::

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đi vay	7.818.000.000	14.000.000.000
Chi phí lãi vay	1.442.010.000	1.012.668.000
Tiền chuyển nhượng vốn	-	12.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a, V.20a và V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng thu nhập trong năm là 4.694.153.000 VND (năm trước là 4.765.627.000 VND).

1b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH Thực phẩm Dary là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.15.

2. **Thông tin về bộ phận**

Tập đoàn chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Tập đoàn là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán



Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

815-C.2
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ MINH

US
TY
AN
NG
M

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	7.166.203.453	12.470.607.930	205.110.404.111
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	22.912.885.190	(6.142.739.952)	16.770.145.238
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	(358.310.202)	-	(358.310.202)
Trích thường Hội đồng quản trị trong năm trước	-	-	(399.000.000)	-	(399.000.000)
Anh hưởng do chuyển nhượng vốn tại công ty con trong năm	-	-	-	(6.051.455.781)	(6.051.455.781)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(6.731.997.600)	-	(6.731.997.600)
Số dư cuối năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	22.589.780.841	276.412.197	208.339.785.766
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	22.589.780.841	276.412.197	208.339.785.766
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	20.115.687.727	(298.758.017)	19.816.929.710
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	(326.958.566)	-	(326.958.566)
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm nay	-	-	(396.000.000)	-	(396.000.000)
Giảm khác	-	-	(159.112.638)	-	(159.112.638)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(4.207.498.500)	-	(4.207.498.500)
Số dư cuối năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	37.615.898.864	(22.345.820)	223.067.145.772

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Quang Vinh
 Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán

Lê Thị Tường Hạnh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
 Người lập



Trương Văn Quang
 Tổng Giám đốc

TH HHH



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Minh Nguyệt